

Số 85/TB-CTCP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN 28.1

- Mã chứng khoán: AG1

- Địa chỉ: Số 3 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Điện thoại liên hệ: (028) 38 940 914
668

Fax: (028) 38 941

2. Nội dung thông tin công bố:

- Loại thông tin công bố:

24h

Yêu cầu

Bất thường

Định kỳ

- Nội dung công bố thông tin: Về quyết định về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và quyết định về việc xử phạt vi phạm hành chính của Chi cục trưởng chi cục hải quan khu vực II.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/04/2026 tại đường dẫn <https://agtex281.com/vi/quan-he-co-dong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

QĐ 61/QĐ-
HQKV2/ÁDT-PTSTQ
ngày 15/05/2026 và
57/QĐ-XPHC ngày
21/04/2026.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thiện

CỤC HẢI QUAN
CHI CỤC HẢI QUAN KHU VỰC II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 61/QĐ-HQKV2/ÂĐT-PTSTQ Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC HẢI QUAN KHU VỰC II

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 26 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 quy định về xử lý một số vấn đề có liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ; Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính; Thông tư số 121/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;



Căn cứ Quyết định số 582/QĐ-HQKV2 ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Khu vực II về việc phân công phụ trách các lĩnh vực công tác của các đồng chí Lãnh đạo Chi cục Hải quan khu vực II;

Căn cứ Quyết định số 513/QĐ-HQKV2 ngày 12 tháng 03 năm 2026 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Khu vực II về việc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan;

Thực hiện hướng dẫn tại công văn số 55/CHQ-PC ngày 11/03/2025 của Cục Hải quan về việc công khai thông tin theo qui định tại điều 12 Nghị quyết số 90/2025/QH15;

Theo đề nghị của Đoàn kiểm tra tại Báo cáo kết quả kiểm tra sau thông quan và Kết luận kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan đối với Công ty cổ phần 28.1.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ấn định thuế như sau:

Ấn định thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng đối với lượng nguyên liệu, vật tư nhập khẩu theo loại hình sản xuất xuất khẩu phát sinh chênh lệch âm (ít hơn) giữa số liệu thực tồn tại doanh nghiệp so với số liệu đã khai báo hải quan tại cùng thời điểm tính đến hết ngày 20/3/2026 của Công ty cổ phần 28.1 - MST: 0304484232, địa chỉ: Số 3 Nguyễn Oanh, Phường Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Lý do ấn định thuế:

Công ty cổ phần 28.1 thực hiện chưa đúng quy định về quản lý, sử dụng, kê khai nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu dẫn đến phát sinh lượng nguyên liệu chênh lệch âm (ít hơn) giữa số liệu thực tồn tại doanh nghiệp so với số liệu đã khai báo hải quan dẫn đến thiếu số thuế phải nộp.

Quy định tại Điều 52 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14; khoản 4 Điều 17 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Điều 3. Số tiền thuế ấn định:

Loại thuế	Chương	Tiêu mục	Số tiền thuế phải nộp (VNĐ)			Số tiền thuế đã nộp (VNĐ)	Số tiền thuế còn phải nộp (VNĐ)
			Số tiền thuế đã kê khai	Số tiền thuế ấn định	Chênh lệch sau ấn định		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)=(5)-(7)
Thuế nhập khẩu	Ghi theo chương của Bộ chủ quản	1901	0			0	20.535.052
Thuế GTGT		1702	0			0	17.860.891
Tổng cộng			0			0	38.395.943

Bằng chữ: Ba mươi tám triệu ba trăm chín mươi lăm ngàn chín trăm bốn mươi ba đồng (Chi tiết theo Bảng kê đính kèm).

Điều 4. Công ty cổ phần 28.1 có trách nhiệm nộp đủ số tiền thuế phải nộp nêu tại Điều 3 Quyết định này và tiền chậm nộp (nếu có) theo quy định tại Điều 59 Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019 vào tài khoản số **7111.0.2995182** của **Đội phức tạp và Kiểm tra sau thông quan** - Chi cục Hải quan Khu vực II tại Phòng Giao dịch số 7- Kho bạc Nhà nước Khu vực II.

Thời hạn nộp tiền thuế thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 17 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần 28.1 (để thực hiện);
- Đ/c Chi Cục trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, PTSTQ, STQ2 (4b).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Tống Quốc Thịnh

3
V
H

PHỤ LỤC I

BẢNG KÊ TÍNH THUẾ

Đính kèm Quyết định ấn định thuế số 41/QĐ-HQKV2/ÂĐT-PTSTQ ngày 15/4/2026

STT	Mã NPL	Tên NPL	ĐVT	Lượng NLVT chênh lệch (âm)	Thuế NK	Thuế GTGT	Tổng thuế
1	38	Nhãn phụ (giấy)	Cái/Chiếc	350	67,900	51,800	119,700
2	41	Móc treo (nhựa)	Cái/Chiếc	200	300,000	200,000	500,000
3	147	Dây treo thẻ bài	Cái/Chiếc	500	78,000	46,500	124,500
4	337	Nút nhựa (NK)	Cái/Chiếc	2,350	834,250	415,950	1,250,200
5	338	Nút kim loại (NK)	Cái/Chiếc	387	609,525	304,569	914,094
6	554	Keo dựng không dệt K 150 cm	Mét	1,320	1,462,560	1,363,560	2,826,120
7	666	Đệm vai (2 cái/bộ)	Bộ	215	217,150	130,290	347,440
8	737	Vải 100% Wool K 145/150 cm	Mét	100	5,693,200	5,313,600	11,006,800
9	782	Móc cài kim loại	Bộ	420	236,880	118,440	355,320
10	899	Nhãn phụ (vải)	Cái/Chiếc	800	132,000	123,200	255,200
11	951	Bao dựng nút dự phòng	Cái/Chiếc	354	122,838	73,632	196,470
12	975	Vải không dệt K 30-35 mm	Mét	1,500	280,500	261,000	541,500
13	1016	Dựng dệt K 15-20 mm	Mét	766	74,302	68,940	143,242
14	1017	Dây viền vải 5-8mm	l/át	1,075	83,850	77,400	161,250
15	1019	Dựng dệt K 44"	Mét	280	1,255,240	1,171,520	2,426,760
16	1024	Dựng không dệt K 101cm	Mét	350	733,600	684,250	1,417,850
17	1038	Dây viền vải 5-8mm	Mét	1,150	134,550	125,350	259,900
18	DK1	Dây kéo kim loại	Cái/Chiếc	250	1,104,500	662,500	1,767,000
19	DV2	Dây viền vải K 5-10 mm	Mét	1,350	448,200	418,500	866,700
20	DV5	Dây viền vải K 20-30 mm	Mét	200	37,200	34,600	71,800
21	DVV4	Dây viền K 80/90 mm	l/át	1,240	796,080	742,760	1,538,840
22	KD14	Keo dựng K 5-10 cm	Mét	1,371	128,874	120,648	249,522
23	KD2	Keo dựng K 10-15 mm	Mét	1,285	88,665	82,240	170,905
24	TCA	Túi chống ẩm	Cái/Chiếc	1,552	181,584	198,656	380,240

25	V358	Vải dệt thoi 73% LYOCELL 27% LINEN K: 56/57", cấu trúc dệt 20*20+14 87*66 , hàng mới 100%, dùng sản xuất hàng may mặc	l/át	348	4,413,684	4,119,276	8,532,960
26	VD2	Vải dệt K 145/150 cm	Mét	190	1,019,920	951,710	1,971,630
TỔNG CỘNG					20,535,052	17,860,891	38,395,943

PHỤ LỤC II

BẢNG KÊ XÁC ĐỊNH THỜI HẠN NỘP TIỀN THUẾ ẨM ĐỊNH ĐỐI VỚI CÁC NLVT NHẬP KHẨU LOẠI HÌNH E31 PHÁT SINH CHÊNH LỆCH ẨM TẠI THỜI ĐIỂM TÍNH ĐẾN HẾT NGÀY 20/3/2026

Đính kèm Quyết định ẨM định thuế số 61/QĐ-HQKV2/ẨMT-PTSTQ ngày 15/4/2026

STT	Tờ khai xác định thời hạn nộp thuế	Ngày thông quan	Mã NLVT	Tên NLVT	ĐVT	Lượng NLVT chênh lệch thiếu (ẨM)	Số thuế ẨM định phân bổ theo tờ khai (VND)
1	108072387030	20/03/2026	38	Nhãn phụ (giấy)	Cái/Chiếc	350	119,700
2	108066644600	19/03/2026	41	Móc treo (nhựa)	Cái/Chiếc	200	500,000
3	107994790740	24/02/2026	147	Dây treo thẻ bài	Cái/Chiếc	500	124,500
4	108072387030	20/03/2026	337	Nút nhựa (NK)	Cái/Chiếc	2,350	1,250,200
5	107924825150	25/01/2026	338	Nút kim loại (NK)	Cái/Chiếc	387	914,094
6	108029756550	07/03/2026	554	Keo dựng không dệt K 150 cm	Mét	1,320	2,826,120
7	108051209820	14/03/2026	666	Đệm vai (2 cái/bộ)	Bộ	215	347,440
8	108052166500	16/03/2026	737	Vải 100% Wool K 145/150 cm	Mét	100	11,006,800
9	108029838340	07/03/2026	782	Móc cài kim loại	Bộ	420	355,320
10	108072387030	20/03/2026	899	Nhãn phụ (vải)	Cái/Chiếc	800	255,200
11	108072235460	20/03/2026	951	Bao dựng nút dự phòng	Cái/Chiếc	354	196,470
12	107994790740	24/02/2026	975	Vải không dệt K 30-35 mm	Mét	1,500	541,500
13	108051209820	14/3/2026	1016	Dựng dệt K 15-20 mm	Mét	766	143,242
14	108072387030	20/03/2026	1017	Dây viền vải 5-8mm	l/át	1,075	161,250
15	108051209820	14/03/2026	1019	Dựng dệt K 44"	Mét	280	2,426,760
16	108051209820	14/03/2026	1024	Dựng không dệt K 101cm	Mét	350	1,417,850
17	107955110910	03/02/2026	1038	Dây viền vải 5-8mm	Mét	1,150	259,900
18	107872405800	07/01/2026	DK1	Dây kéo kim loại	Cái/Chiếc	250	1,767,000
19	108051209820	14/03/2026	DV2	Dây viền vải K 5-10 mm	Mét	1,350	866,700
20	107994790740	24/02/2026	DV5	Dây viền vải K 20-30 mm	Mét	200	71,800
21	108029756550	07/03/2026	DVV4	Dây viền K 80/90 mm	l/át	1,240	1,538,840
22	107924768120	25/01/2026	KD14	Keo dựng K 5-10 cm	Mét	1,371	249,522
23	108051209820	14/03/2026	KD2	Keo dựng K 10-15 mm	Mét	1,285	170,905
24	108029838340	07/03/2026	TCA	Túi chống ẨM	Cái/Chiếc	1,552	380,240

25	108054095550	16/03/2026	V358	Vải dệt thoi 73% LYOCELL 27% LINEN K: 56/57", cấu trúc dệt 20*20+14 87*66 , hàng mới 100%, dùng sản xuất hàng may mặc	I/át	348	8,532,960	
26	108051209820	14/03/2026	VD2	Vải dệt K 145/150 cm	Mét	190	1,971,630	
TỔNG CỘNG								38,395,943

CỤC HẢI QUAN
CHI CỤC HẢI QUAN KHU VỰC II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 57 /QĐ-XPHC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính
CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC HẢI QUAN KHU VỰC II

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020 và năm 2025);

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 118/2021/NĐ-CP; Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan; Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập;

Căn cứ Quyết định số 819/QĐ-CHQ ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Cục Hải quan về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Hải quan khu vực thuộc Cục Hải quan;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-GQXP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Khu vực II về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Quyết định số 61/QĐ-HQKV2/ÁĐT-PTSTQ ngày 15/4/2026 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan khu vực II về việc ấn định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Biên bản Vi phạm hành chính số: 57/BB-VPHC ngày 15/4/2026 do Đoàn kiểm tra sau thông quan lập;

Căn cứ các quy định pháp luật có liên quan;



Theo công văn số 55/CHQ-PC ngày 11/3/2025 của Cục Hải quan về việc công khai thông tin theo quy định tại điều 12 Nghị quyết số 90/2025/QH15.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

Tên của tổ chức: Công ty cổ phần 28.1.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 3 Nguyễn Oanh; Phường Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mã số doanh nghiệp: 0304484232.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, mã số Công ty 0304484232, chứng nhận lần đầu ngày 01/8/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07/10/2025;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thiện; sinh ngày 05/10/1985; Quốc tịch: Việt Nam; Số CCCD: 019085000415, Ngày cấp: 17/09/2025; Nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; chức vụ: Giám đốc.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

Công ty đã quản lý chưa chặt chẽ, chính xác đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu sản xuất sản phẩm xuất khẩu (loại hình E31) dẫn tới phát sinh chênh lệch thiếu (âm) đối với một số nguyên liệu, vật tư mà chưa giải trình xác định được chính xác, cụ thể nguyên nhân, chênh lệch dẫn đến làm thiếu số tiền thuế phải nộp. Vi phạm bị phát hiện khi kiểm tra, thanh tra đối với hàng hóa đã thông quan. Công ty đã nộp đủ số tiền thuế trước thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính.

3. Quy định tại: điểm d Khoản 1, điểm b Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

4. Các tình tiết tăng nặng: Không.

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Không.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền.

Cụ thể: Mức tiền phạt bằng 20% số tiền thuế đã ấn định:

$38.395.943 \times 20\% = 7.679.189$ đồng (Bằng chữ: Bảy triệu sáu trăm bảy mươi chín ngàn một trăm tám mươi chín đồng).

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Không.

c) Biện pháp khắc phục hậu quả: Không áp dụng do tổ chức vi phạm đã tự nguyện khắc phục xong trước thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính (Giấy nộp tiền đính kèm biên bản vi phạm hành chính).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho Ông Nguyễn Thiện là người đại diện theo pháp luật của tổ chức bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Công ty bị xử phạt có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty cổ phần 28.1 không tự nguyện

chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật và cứ mỗi ngày chậm nộp tiền phạt thì cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp thêm 0,05% tính trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

a) Công ty cổ phần 28.1 phải nộp tiền phạt tại **Phòng Giao dịch số 7 – Kho bạc Nhà nước Khu vực II** hoặc nộp tiền phạt vào ngân hàng thương mại nơi Phòng giao dịch số 7 – Kho bạc Nhà nước khu vực II mở tài khoản tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), theo thông tin nộp ngân sách nhà nước như sau:

Tài khoản số: 7111.0.2995182; mã cơ quan ra quyết định xử phạt: 26740; mã nội dung kinh tế (mã tiểu mục): 4253, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này.

b) Công ty cổ phần 28.1 có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước Khu vực II để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Đoàn Kiểm tra sau thông quan theo Quyết định 513/QĐ-HQKV2 ngày 12 tháng 03 năm 2026 để tổ chức thực hiện.

4. Gửi cho Đội Phúc tập và Kiểm tra sau thông quan để biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chi cục trưởng (để báo cáo);
- Kho bạc Nhà nước khu vực II;
- Lưu: VT, PTSTQ, hồ sơ (05b)./.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Tổng Quốc Thịnh

